

Số: /2023/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 24 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 117/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức

thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 25/2021/TT-BTC như sau:

“Điều 7. Quản lý phí, lệ phí

1. Tổ chức thu phí là Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Công an, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Công an xã, phường, thị trấn:

- **Phương án 1:** a) Tổ chức thu phí được trích lại 20% 30% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí. Trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí bao gồm cả các khoản chi hỗ trợ để thực hiện các nội dung sau:

- **Phương án 2:** a) Tổ chức thu phí được trích lại 20% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí. Trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí bao gồm cả các khoản chi hỗ trợ để thực hiện các nội dung sau:

- Chi phí đi lại, ăn ở, thuê phiên dịch, canh giữ người nước ngoài bị lưu giữ; chi khám chữa bệnh khi người nước ngoài bị ốm; áp giải người nước ngoài cư trú trái phép, vi phạm pháp luật về nước. Chi sử dụng tiền phí trích lại để hỗ trợ các nội dung chi này khi cơ quan đại diện của nước có công dân vi phạm không chịu kinh phí hoặc không có cơ quan đại diện của nước có công dân vi phạm pháp luật ở Việt Nam.

Trường hợp có công bố dịch bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức thu phí được quyết định chi các nội dung chi nêu trên và các chi phí trực tiếp phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh trong xử lý các trường hợp người nước ngoài vi phạm pháp luật.

- Chi tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức cho cán bộ, chiến sĩ làm công tác quản lý xuất nhập cảnh.

- Chi ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến hiện đại phục vụ công tác quản lý xuất nhập cảnh.

- Chi phục vụ đàm phán, hợp tác đối với đối tác nước ngoài phục vụ công tác cấp thị thực và các giấy tờ liên quan đến xuất nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài.

- Bổ sung thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ, chiến sĩ làm công tác quản lý xuất nhập cảnh theo quy định của **Bộ Công an và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành pháp luật (nếu có).**

b) Nộp 80% 70% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiêu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 2 Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

Số tt	Nội dung	Mức thu
2	Cấp thị thực có giá trị nhiều lần:	
a	Loại có giá trị không quá 03 tháng 90 ngày	50 USD/chiếc
b	Loại có giá trị trên 03 tháng đến 06 tháng 90 ngày đến 180 ngày	95 USD/chiếc
c	Loại có giá trị trên 06 tháng đến 12 tháng 180 ngày đến 365 ngày	135 USD/chiếc

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, Đoàn thể;
- Sở Tài chính, KBNN, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ 25
(Kèm theo công văn số 8539/BTC-CST ngày 10/8/2023 của Bộ Tài chính)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

- Ngày 24/6/2023, tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 23/2023/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Luật số 23), có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2023. Trong đó, đã sửa đổi cách tính giá trị thị thực từ “tháng” sang “ngày”.

Trong khi đó, Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07/4/2021 của Bộ Tài chính quy định thu phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam (Thông tư 25) quy định mức thu phí cấp thị thực dựa trên cách tính giá trị thị thực theo tháng.

Do đó, cần sửa đổi Thông tư 25 bảo đảm thống nhất cách tính giá trị thị thực theo ngày như quy định tại Luật số 23, tạo thuận lợi cho việc thu, nộp phí.

- Thực tế quá trình thực hiện Thông tư 25 đã phát sinh một số vướng mắc, cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để tạo thuận lợi trong thực hiện, sử dụng hiệu quả, phù hợp nguồn phí để lại cho tổ chức thu phí.

- Ngày 21/7/2013, Bộ Công an có công văn số 2425/BCA-QLXNC đề nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư 25.

Như vậy, việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư 25 nhằm góp phần thực hiện Luật số 23, phù hợp với Luật Phí và lệ phí và góp phần tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư 25.

II. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ 25

1. Về nội dung chi bổ sung thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ, chiến sỹ làm công tác QLXNC

- Tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư 25 quy định tiền phí để lại cho tổ chức thu phí sử dụng để chi hỗ trợ: “*Bổ sung thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ, chiến sỹ làm công tác quản lý xuất nhập cảnh theo quy định pháp luật (nếu có)*”.

- Tại công văn số 2425/BCA-QLXNC, Bộ Công an đề nghị bổ sung nội dung chi bổ sung thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ chiến sỹ thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia trong công tác QLXNC và chi bồi dưỡng làm thêm giờ cho cán bộ, chiến sỹ QLXNC theo quy định của pháp luật, quy định của Bộ Công an.

- Tại cuộc họp ngày 19/7/2023, Bộ Công an cho biết: Quy định về chi bổ sung thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ, chiến sỹ làm công tác QLXNC chưa rõ ràng để thực hiện (chi theo quy định pháp luật là thế nào?).

Để tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc thu, nộp phí, Bộ Tài

chính tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư 25 như sau: *Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí sử dụng để chi hỗ trợ thực hiện nội dung: “Bổ sung thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ, chiến sỹ làm công tác quản lý xuất nhập cảnh theo quy định của Bộ Công an và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành pháp luật (nếu có)”*.

2. Về nội dung điều chỉnh cách tính bằng “ngày” đối với thời hạn thị thực

- Tại Điều 9 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 quy định:

“1. Thị thực ký hiệu SQ có thời hạn không quá 30 ngày.

2. Thị thực ký hiệu HN, DL có thời hạn không quá 03 tháng.

3. Thị thực ký hiệu VR có thời hạn không quá 06 tháng.

4. Thị thực ký hiệu NG1, NG2, NG3, NG4, LV1, LV2, DN, NN1, NN2, NN3, DH, PV1, PV2 và TT có thời hạn không quá 12 tháng”.

Căn cứ quy định nêu trên, trên cơ sở đề xuất của Bộ Công an, tại Thông tư 25 đã quy định thu phí cấp thị thực theo tháng đối với các trường hợp: Thời hạn cấp không quá 03 tháng, trên 03 tháng đến 06 tháng, trên 06 tháng đến 12 tháng, trên 12 tháng đến 05 năm.

- Đến nay, Luật số 23 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2023) đã sửa đổi cách tính giá trị thị thực từ “tháng” sang “ngày”. Cụ thể tại khoản 2 Điều 2 Luật số 23 quy định:

“2. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 9 như sau:

1. Thị thực ký hiệu SQ có thời hạn không quá 30 ngày.

2. Thị thực ký hiệu HN, DL, EV có thời hạn không quá 90 ngày.

3. Thị thực ký hiệu VR có thời hạn không quá 180 ngày.

4. Thị thực ký hiệu NG1, NG2, NG3, NG4, LV1, LV2, DT4, DN1, DN2, NN1, NN2, NN3, DH, PV1, PV2, TT có thời hạn không quá 01 năm”.

- Tại công văn số 2425/BCA-QLXNC, Bộ Công an đề nghị sửa đổi thành tính bằng “ngày” đối với thời hạn thị thực để phù hợp với Luật số 23.

Để bảo đảm đồng bộ với thời gian cấp thị thực đã quy định tại Luật số 23, Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, sửa đổi đơn vị tính phí từ “tháng” thành “ngày” và giữ mức phí như quy định tại Thông tư 25 như sau:

Số tt	Nội dung	Mức thu
2	Cấp thị thực có giá trị nhiều lần:	
a	Loại có giá trị không quá 03 tháng 90 ngày	50 USD/chiếc
b	Loại có giá trị trên 03 tháng đến 06 tháng 90 ngày đến 180 ngày	95 USD/chiếc
c	Loại có giá trị trên 06 tháng đến 12 tháng 180 ngày đến 365 ngày	135 USD/chiếc

3. Về việc xác định tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí

- Tại Thông tư 25 quy định để lại cho tổ chức thu 20% tiền phí thu được.

- Tại công văn số 2425/BCA-QLXNC, Bộ Công an đề nghị điều chỉnh tăng tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí từ 20% lên thành 30%.

- Tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định: Tỷ lệ để lại được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ để lại (\%)} = \frac{\text{Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí}}{\text{Dự toán cả năm về phí thu được}} \times 100$$

Tại công văn số 20234/QLXNC-P3 ngày 04/8/2023 của Cục QLXNC cho biết: Tính đến ngày 30/06/2023, tổng tiền phí để lại tại Cục QLXNC khoảng 2.182 tỷ đồng. Đồng thời cung cấp dự toán chi để triển khai kế hoạch mua sắm, đề án, dự án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP thì chưa có cơ sở để xác định tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí.

Vì vậy, tại dự thảo Thông tư gửi xin ý kiến chưa xác định tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí. Sau khi tổng hợp số liệu do các cơ quan liên quan cung cấp về dự toán chi phí cần thiết để thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí và số phí thu được của các tổ chức thu phí; Bộ Tài chính sẽ xác định tỷ lệ để lại phù hợp và quy định tại Thông tư thu phí theo thẩm quyền./.

BIỂU CUNG CẤP SỐ LIỆU THU, CHI TIỀN PHÍ TRONG LĨNH VỰC QLXNC
(Gửi kèm công văn số 8539/BTC-CST ngày 10/8/2023 của Bộ Tài chính)

Số tt	Cơ quan	Các năm cần cung cấp số liệu	Nội dung cần cung cấp			
			Số phí thu được	Số phí được đề lại	Số chi thực tế	Số dư chuyển sang năm sau
1	Bộ Công an (Bao gồm Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Công an, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Công an xã, phường, thị trấn (có thẩm quyền cấp giấy tờ xuất nhập cảnh))	2020				
		2021				
		2022				
		Dự toán năm 2024				
2	Bộ Quốc phòng (Bao gồm Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	2020				
		2021				
		2022				
		Dự toán năm 2024				
3	Bộ Ngoại giao (Bao gồm Cục Lãnh sự, Sở Ngoại vụ TP. Hồ Chí Minh)	2020				
		2021				
		2022				
		Dự toán năm 2024				